

Bản án số: 68/2019/HS-ST

Ngày: 23 - 4 - 2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Bá Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thanh Vân.

2/ Ông Dương Cao Đức.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đường Trịnh Sơn Tùng – Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Mai Ngọc Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2019, tại đường Trụ sở Tòa án nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 50/2019/TLST-HS ngày 15 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 79/2019/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Hoài Ph (tên gọi khác: Rùa); giới tính: Nam; sinh năm: 1997; tại: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký nhân khẩu thường đường Trú và chỗ ở: 432A/41 đường Tr, Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; học vấn: 1/12; nghề nghiệp: không; con bà Nguyễn Ngọc L, cha không rõ họ tên.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Ngày 11/5/2016 bị Tòa án nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên phạt 02 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 13/10/2017.

Bị bắt, tạm giam từ ngày 05/01/2019 đến nay. (có mặt)

- Bị hại: Anh Trần Minh H; sinh năm: 1971; nơi cư trú: 432B/1/13P đường Tr, Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Anh Phan Văn Th; sinh năm: 1961; nơi cư trú: 231C/76 đường Tr, Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

2/ Anh Nguyễn Văn Đ; sinh năm: 1964; nơi cư trú: ấp TT, xã H, huyện MT, tỉnh VL. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có đường Trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 02 giờ ngày 05/3/2018, Nguyễn Hoài Ph đi đến hẻm 432B đường Tr, Phường M, Quận T gặp Nguyễn Hoàng D (có độ tuổi trên 14 tuổi 7 tháng đến gần 15 tuổi). D rủ Ph đi trộm cắp tài sản, Ph đồng ý. Cả hai đi bộ tìm tài sản sơ hở để thực hiện ý định trên. Đến khoảng 04 giờ cùng ngày khi đến trước số 432B/1/13 đường Tr, Phường M, Quận T, Ph và D phát hiện xe máy Honda Wave biển số 64FC-2726 của anh Trần Minh H dựng ngoài nhà không khóa cổ, D leo lên xe ngồi, kêu Ph đẩy xe ra ngoài. Ph đẩy xe đến khu chợ nhỏ KP5, Phường M, Quận T thì Ph dừng lại, D xuống xe phá khóa rồi nổ máy chờ Ph đi tìm chỗ bán xe máy. D và Ph đi xe đến bãi giữ xe khu nhà cho thuê số 32-34 đường CL, Phường T1, Quận T bán cho người phụ nữ tên Thảo (không rõ lai lịch) được 1.200.000 đồng (trong đó gồm 1.000.000 đồng và 01 gói ma túy giá 200.000 đồng). D và Ph trả tiền xe ôm hết 80.000 đồng, D chia cho Ph 420.000 đồng còn D giữ 500.000 đồng, gói ma túy cả hai cùng sử dụng.

Thảo sau khi mua xe gắn máy gửi lại cho anh Phan Văn Th là bảo vệ nhà số 32-34 đường CL, Phường T1, Quận T còn Thảo bỏ đi đâu không rõ. Đến 06 giờ cùng ngày anh H phát hiện mất xe máy, đi đến Công an Phường M, Quận T đường Trình báo. Qua ra soát camera Công an Phường M, Quận T xác định và đưa D và Ph lên làm việc. Tại Cơ quan điều tra Công an Quận T, D và Ph thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp trên.

Ngày 28/3/2018 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận T kết luận giá trị của chiếc xe máy Honda Wave biển số : 64FC-2726 là 1.360.000 đồng.

Vật chứng vụ án:

01 xe mô tô biển số 64FC-2726, số máy: TT29YX1P39FMB024441, số khung: RRKWCB2UM8XB24441, qua xác minh chiếc xe do anh Nguyễn Văn Đ đứng tên chủ sở hữu, anh Đ đã bán xe cho người khác (không rõ lai lịch). Hiện Cơ quan điều tra Công an Quận T đã đăng báo tìm chủ sở hữu nhưng chưa có ai liên hệ giải quyết.

01 điện thoại di động hiệu Mobistar, màu trắng, số Imei 1: 352223026454985, số Imei 2: 352223026454985 của Ph, Ph đưa cho D gọi điện thoại cho Thảo để bán chiếc xe.

Số tiền 400.000 đồng do Nguyễn H D nộp lại.

Phản bồi thường dân sự: Anh Trần Minh H không yêu cầu bồi thường.

Đối với Nguyễn Hoàng D tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội chưa đủ 16 tuổi, giá trị tài sản chưa đủ định lượng để xử lý hình sự, qua xác minh D chưa có tiền án, tiền sự, không có căn cứ để xử lý hình sự đối với D, Cơ quan điều tra Công an Quận T ra quyết định xử phạt hành chính đối với D. Hiện tại D đã bỏ địa phương đi đâu không rõ.

Tại bản cáo trạng số 67/CT-VKS ngày 15/3/2019 Viện kiểm sát nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố Nguyễn Hoài Ph về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa,

Bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị tuyên bố bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”, xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng tù theo điểm b khoản 1 Điều 173, các điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Buộc bị cáo nộp lại số tiền thu lợi bất chính 420.000 đồng.

Về vật chứng:

Trả lại cho anh Trần Minh H 01 xe gắn máy biển số 64F6-2726.

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Mobistar.

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 400.000 đồng do Nguyễn Hoàng D nộp lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên đường Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó,

các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Xét thấy, khoảng 04 giờ ngày 05/3/2018, Nguyễn Hoài Ph và Nguyễn Hoàng D đi đến đường Trước số 432B/1/13 Đường Tr, Phường M, Quận T, Ph và D phát hiện xe máy Honda Wave biển số 64FC-2726 của anh Trần Minh H dựng ngoài nhà không khóa cở, không người trông coi. D lợi dụng sơ hở của anh H, leo lên xe ngồi, kêu Ph đẩy xe ra ngoài để chiếm đoạt. Chiếc xe trị giá 1.360.000 đồng.

[2.1] Xét thấy, Nguyễn Hoài Ph đã bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản” vào năm 2015, chấp hành xong hình phạt tù ngày 13/10/2017, chưa được xóa án tích, nay lại chiếm đoạt tài sản dưới 2.000.000 đồng. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Ph phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[2.2] Đối với Nguyễn Hoàng D qua xác minh D chưa có tiền án, tiền sự, tài sản chiếm đoạt không đủ định lượng để xử lý hình sự nên không có căn cứ để xử lý hình sự đối với D, Cơ quan điều tra Công an Quận T đã ra quyết định xử phạt hành chính đối với D nên không đề cập giải quyết.

[3] Xét thấy, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho bị hại nên Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo các điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Xét thấy, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

[5] Xét thấy, bị hại không yêu cầu gì về phần dân sự nên không đề cập giải quyết.

[6] Bị cáo được D chia cho 420.000 đồng tiền bán xe có được. Đây là số tiền thu lợi bất chính nên buộc bị cáo nộp lại theo điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017) để tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

[7] Đối với anh Phan Văn Th qua xác minh không biết xe gắn máy Thảo gửi là xe trộm cắp mà có, Cơ quan điều tra Công an Quận T không có căn cứ xử lý nên không đề cập giải quyết.

[8] Đối với người phụ nữ tên Thảo do không xác định được lai lịch Cơ quan điều tra Công an Quận T không có căn cứ xử lý nên không đề cập giải quyết.

[9] Về vật chứng vụ án:

[9.1] 01 xe gắn máy biển số 64FC-2726 qua xác minh do anh Nguyễn Văn Đ đứng tên chủ sở hữu, anh Đ đã bán xe cho người khác (không rõ lai lịch). Anh Trần Minh H đang giữ giấy đăng ký xe và sử dụng chiếc xe nên trả chiếc xe này lại cho anh Trần Minh H theo điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[9.2] 01 điện thoại di động Ph dùng làm công cụ phạm tội nên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước theo điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[9.3] Số tiền 400.000 đồng là tiền thu lợi bất chính Nguyễn Hoàng D nộp lại nên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước theo điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[10] Về án phí: Theo điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoài Ph phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 173, các điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoài Ph 10 (mười) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/01/2019.

Về số tiền thu lợi bất chính: Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Buộc bị cáo Nguyễn Hoài Ph nộp lại số tiền thu lợi bất chính 420.000 (bốn trăm hai mươi nghìn) đồng để tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

Về vật chứng vụ án: Căn cứ vào các điểm a, b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đường Trả lại cho anh Trần Minh H 01 xe gắn máy biển số 64FC-2726, số máy: TT29YX1P39FMB024441, số khung RRKWCB2VM8XB24441.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước:

01 (một) điện thoại di động hiệu Mobistar, màu trắng, số Imei 1: 352223026454985, số Imei 2: 352223026454985.

Số tiền 400.000 (bốn trăm nghìn) đồng.

(Theo phiếu nhập kho vật chứng số 88/PNK ngày 26/02/2019 của Công an Quận T và Giáp nộp tiền ngày 25/02/2019).

Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Tp.Hồ Chí Minh; (1)
- VKSND Tp.Hồ Chí Minh; (1)
- VKSND Quận T; (2)
- Chi cục THADS Quận T; (1)
- Sở Tư pháp Tp.Hồ Chí Minh; (1)
- Phòng hồ sơ NVCS (PC.53); (1)
- Cơ quan điều tra Quận T (Đội ĐTTH); (1)
- Nhà tạm giữ Quận T; (1)
- Thi hành án hình sự; (3)
- Bị cáo; (1)
- Những người tham gia tố tụng khác; (3)
- Lưu VT, hồ sơ vụ án. (2) (18)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Bá Hiệp